

Bản án số: **10/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 16/01/2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thủy

Bà Vũ Thúy Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 576/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐXX-ST ngày 30/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990.

HKTT: Xóm 3, thôn Cổ Diễn, xã Hải Bối, huyện Đ, Hà Nội.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1987. Vắng mặt.

HKTT: Xóm 3, thôn Cổ Diễn, xã Hải Bối, huyện Đ, Hà Nội.

Nơi ở : Số 30, ngõ 83, tổ dân phố Cầu 7 phường T, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Hiện đang chấp hành án tại đội 12, phân trại số 1, Trại giam số 3 Bộ công an Tân Kỳ, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2019 và bản tự khai ngày 25/12/2019, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Đức D kết hôn ngày 17/3/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Bối, huyện Đ, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi

cưới anh chị chung sống tại số 30, ngõ 83, tổ dân phố Cầu 7 phường T, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì P2 sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè, nghiện hút, không quan tâm đến gia đình. Năm 2016 anh bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản và đến năm 2017 anh tiếp tục bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt là 40 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại trại đội 12, phân trại số 1, Trại giam số 3 Bộ công an Tân Kỳ, Nghệ An. Đến năm 2018 chị và các con đã chuyển đi thuê nhà ở chỗ khác không ở cùng gia đình anh D. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Đức P2, sinh ngày 23/01/2016. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi 02 con vì điều kiện anh D đang đi chấp hành án không có khả năng nuôi con, chị không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang bán quần áo thuê, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Bối, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống anh ham chơi không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn. Năm 2016 anh bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản và đến năm 2017 anh tiếp tục bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt là 40 tháng tù. Đến nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Đức P2, sinh ngày 23/01/2016. Do hiện nay anh đang chấp hành án tại trại giam nên anh đồng ý để chị H được nuôi cả 02 con, anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Đức D. Về con chung: chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con

chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức D có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm P2 biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Đức P2, sinh ngày 23/01/2016 cho chị H nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đức D kết hôn ngày 17/3/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Bối, huyện Đ, Hà Nội do vậy là hôn nhân hợp pháp. Trước khi đi chấp hành án, anh D sinh sống tại số 30, ngõ 83, tổ dân phố Cầu 7 phường T, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Ngày 18/12/2019 chị H có đơn xin ly hôn anh D, vì vậy yêu cầu của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội theo quy định tại điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hiện anh Nguyễn Đức D đang chấp hành án tại trại giam, có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về sống cùng gia đình anh D tại số 30, ngõ 83, tổ dân phố Cầu 7 phường T, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

anh D ham chơi đua đòi và nghiện ma túy. Đến tháng 6/2017, anh D bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy và phải chịu án phạt 40 tháng tù. Xét, chị H và anh D hiện không sống cùng nhau, không xây dựng được cuộc sống chung hạnh phúc nên mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh D, anh D cũng đồng ý ly hôn nên xử cho anh chị được ly hôn là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Đức P2, sinh ngày 23/01/2016. Hiện các cháu đang sống cùng chị H, do anh D đang chấp hành án nên anh đồng ý để chị H được nuôi cả hai cháu, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của anh chị là phù hợp pháp luật nên chấp nhận, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đức P và cháu Nguyễn Đức P2 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H. Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Đức P2, sinh ngày 23/01/2016. Giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Đức D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số AB/2015/03298 ngày 20/12/2019. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- UBND xã Hải Bối, Đ, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Dương Thị Thu Phượng